

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 6 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁC ÁI, TỈNH NINH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hồ Đức Hiệp
- Bà Mẫu Thị Kim Khanh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bác Ái tham gia phiên tòa: Ông Thành Chế Trọng Triết - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXX-ST ngày 22 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị H, sinh năm: 1987 (Có mặt).
 - Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1987 (Vắng mặt).
- Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị Mai Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H1 sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã P, huyện B vào ngày 30/3/2010, trong quá trình chung sống hai người làm mất giấy đăng ký kết hôn nên chỉ cung cấp cho Tòa án được trích lục đăng ký kết hôn (bản sao), sau khi kết hôn hai người làm ăn sinh sống ở thôn H, xã P. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm nên hai người thường xuyên xảy ra cãi nhau, từ năm 2020 đến nay hai người không còn sống chung và không còn quan tâm gì đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vì vậy chị làm đơn yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị và anh H1 có 04 người con chung là cháu Nguyễn Mai Cát T, sinh ngày 04/4/2009; Nguyễn Mai Thảo N, sinh ngày 01/01/2012; Nguyễn H2, sinh ngày 20/12/2015 và Nguyễn Mai Cát T1, sinh ngày 19/5/2019, hiện nay chị đang làm nhân viên tại văn phòng (UBND) xã P và may thêm rèm cửa có mức

thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con, chị không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bắc Ái đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Văn H1 đến Tòa án giải quyết việc ly hôn với chị H, nhưng anh H1 không đến Tòa án nên từ ngày 09/4/2024 đến ngày 22/5/2024, Tòa án đã kết với UBND xã P nhiều lần niêm yết giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án nơi anh H1 sinh sống để anh biết đến Tòa án giải quyết vụ, việc. Mặc dù vẫn có mặt ở địa phương, nhưng anh H1 không chấp hành, cố tình vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh H1 và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Ái phát biểu quan điểm:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Mai Thị H đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh H1 là có căn cứ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ pháp luật “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, bị đơn anh Nguyễn Văn H1 đang sinh sống tại thôn H, xã P, huyện B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Bắc Ái được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B vào ngày 30/3/2010), sau khi kết hôn hai người làm ăn sinh sống ở thôn H, xã P. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm nên hai người thường xuyên xảy ra cãi nhau, từ năm 2020 đến nay hai người không còn sống chung và không còn quan tâm gì đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và chị H có yêu cầu ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

- Về con chung: Chị H và anh H1 có 04 người con chung là cháu Nguyễn Mai Cát T, sinh ngày 04/4/2009; Nguyễn Mai Thảo N, sinh ngày 01/01/2012; Nguyễn H2, sinh ngày 20/12/2015 và Nguyễn Mai Cát T1, sinh ngày 19/5/2019, trong quá trình giải quyết vụ án các con của chị cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, hiện nay chị đang làm nhân viên tại văn phòng UBND xã P và may thêm rèm cửa có mức thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con. Tại phiên tòa chị xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con, chị không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét

chấp nhận yêu cầu của chị H được quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về tài sản chung*: Chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chị Mai Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Ái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ngày 11/3/2024, chị Mai Thị H làm đơn đến Tòa án huyện Bắc Ái yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1, hiện nay anh H1 đang cư trú tại thôn H, xã P, huyện B. Tòa án huyện Bắc Ái đã áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B vào ngày 30/3/2010, sau khi kết hôn hai người làm ăn sinh sống ở thôn H, xã P, huyện B. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm nên hai người thường xuyên xảy ra cãi nhau, từ năm 2020 đến nay hai người không còn sống chung và không còn quan tâm gì đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và chị H có yêu cầu ly hôn căn cứ vào quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị H được ly hôn với anh H1.

2.2. Về con chung: Chị H và anh H1 có 04 người con chung là cháu Nguyễn Mai Cát T, sinh ngày 04/4/2009; Nguyễn Mai Thảo N, sinh ngày 01/01/2012; Nguyễn H2, sinh ngày 20/12/2015 và Nguyễn Mai Cát T1, sinh ngày 19/5/2019, hiện nay các cháu đang ở cùng với chị, tại phiên tòa chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con và không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con. Sự tự nguyện nuôi con của chị là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

2.3. *Về tài sản chung*: Chị không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chị Mai Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001917 ngày 21/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Ái.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc Hội. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Mai Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Mai Cát T, sinh ngày 04/4/2009; Nguyễn Mai Thảo N, sinh ngày 01/01/2012; Nguyễn H2, sinh ngày 20/12/2015 và Nguyễn Mai Cát T1, sinh ngày 19/5/2019 cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Mai Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001917 ngày 21/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bác Ái. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/6/2024).

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thiện

